

Số: 470/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 3 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ

ĐẾN

Số: 270. . . . Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
Ngày: 09/3 trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết
Chuyên: của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

QUYẾT ĐỊNH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 38/TTr-STP ngày 04/02/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

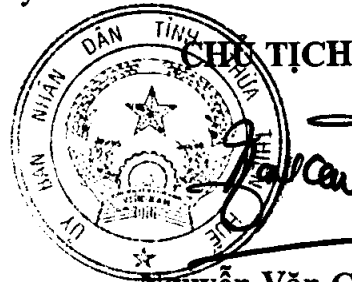
Điều 2. UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm công bố công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị. Triển khai thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

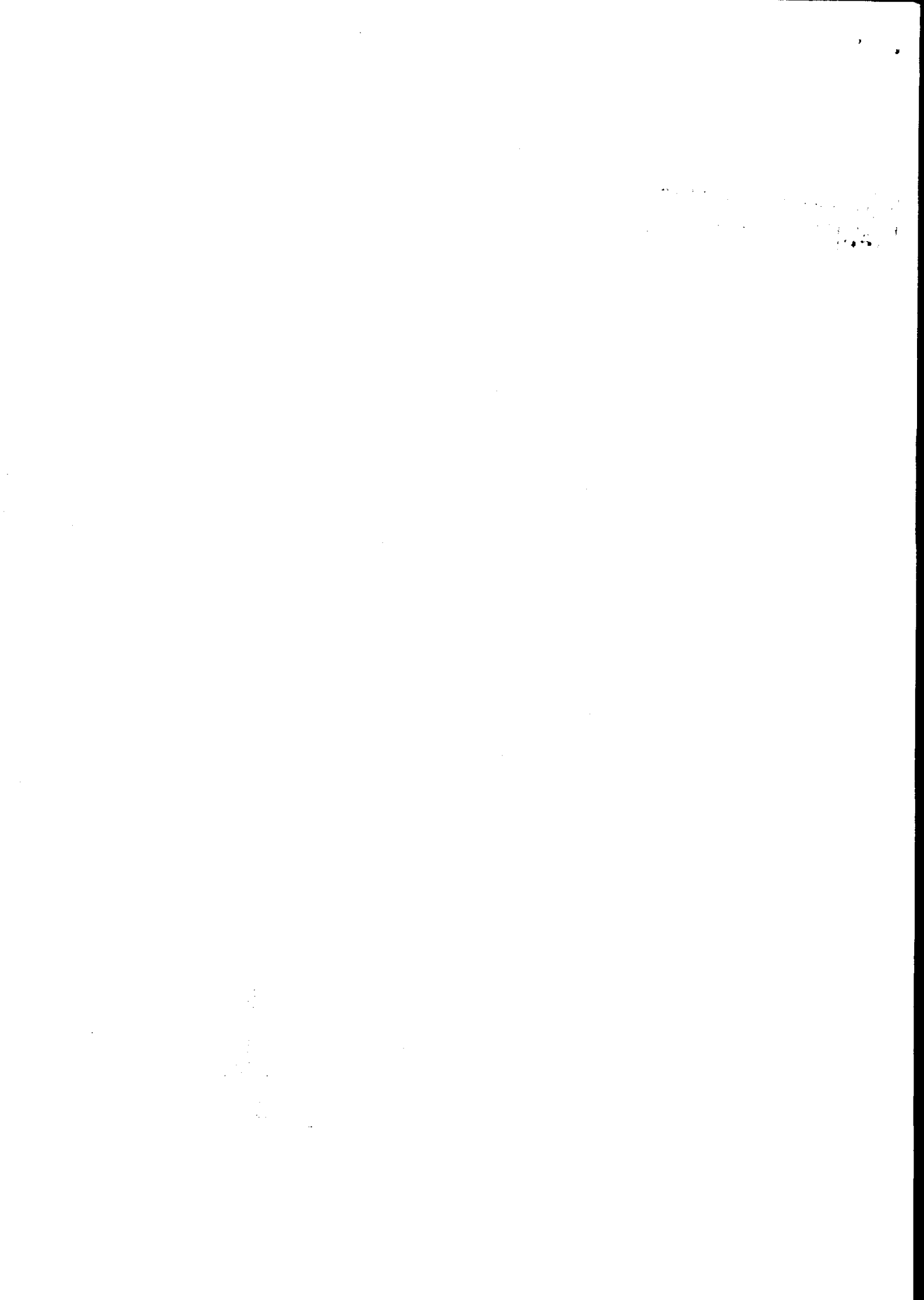
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và CV: KNPL, KNNC, TH;
- Lưu: VT, KNNV.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Cao





**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **470/QĐ-UBND** ngày **05** tháng 3 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*** Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
Lĩnh vực Tư pháp			
1.	T-TTH-250158-TT	Đăng ký lại việc sinh	- Sửa đổi trình tự thực hiện và thành phần hồ sơ cho phù hợp với Nghị định 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ; - Bổ sung căn cứ pháp lý.
2.	T-TTH-250159-TT	Đăng ký kết hôn	
3.	T-TTH-250163-TT	Đăng ký lại việc kết hôn	
4.	T-TTH-250179-TT	Đăng ký lại việc tử	
5.	T-TTH-250183-TT	Đăng ký việc nuôi con nuôi	- Sửa đổi trình tự thực hiện cho phù hợp với Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Bổ sung căn cứ pháp lý.
6.	T-TTH-250193-TT	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi	

**PHẦN II.
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

1. Thủ tục: Đăng ký lại việc sinh

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân muốn đăng ký lại việc sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã và xuất trình các giấy tờ cá nhân theo quy định nếu cán bộ Tư pháp hộ tịch xã yêu cầu.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để người nộp bổ sung, hoàn chỉnh.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ Tư pháp tiến hành đăng ký lại việc sinh cho công dân.

Bước 3: Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp cho người đi đăng ký một bản chính Giấy khai sinh.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

- **Hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký lại việc sinh (Bản chính theo mẫu tại Thông tư số 05/2012/TT-BTP);

** Xuất trình bản sao giấy tờ hộ tịch đã cấp hợp lệ trước đây (nếu có); trong trường hợp không có bản sao giấy tờ hộ tịch, thì đương sự phải tự cam đoan về việc đã đăng ký, nhưng sổ hộ tịch không còn lưu được và chịu trách nhiệm về nội dung cam đoan.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** Ngay trong ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên được kéo dài thêm không quá 3 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã

c) Cơ quan phối hợp (nếu có):

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

+ Giấy khai sinh;

+ Bản sao Giấy khai sinh

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký lại việc sinh

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không

- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/12/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân gia đình và chứng thực;

+ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Thông tư số 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

+ Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 08a/2010/TT-BTP;

+ Quyết định số 1099/2009/QĐ-UBND ngày 30/5/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Về việc quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ghi chú: "Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ và tên người khai:

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị ⁽¹⁾ **đăng ký lại việc sinh**
cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Dân tộc: Quốc tịch:

Họ và tên cha:

Dân tộc: Quốc tịch: Năm sinh

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Họ và tên mẹ:

Dân tộc: Quốc tịch: Năm sinh

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Đã đăng ký khai sinh tại ⁽⁵⁾: ngày tháng năm

Theo Giấy khai sinh số: ⁽⁶⁾, Quyền số: ⁽⁶⁾

Lý do đăng ký lại:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

⁽⁷⁾

.....

.....

.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại việc sinh.
- (2) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ “tạm trú”; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ “thường trú” và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.
- (3) Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ “Giấy tờ hợp lệ thay thế”; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ và gạch cụm từ “CMND”.
- (4) Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện, thì ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: bệnh viện Phụ sản Hà Nội). Trường hợp trẻ em sinh tại cơ sở y tế, thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).
Trường hợp trẻ em sinh ngoài bệnh viện và cơ sở y tế, thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh), nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).
- (5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký khai sinh trước đây.
- (6) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.
- (7) Người có yêu cầu đăng ký lại tự ghi nội dung cam đoan về việc đã đăng ký khai sinh nhưng không còn lưu được Sổ đăng ký khai sinh (chỉ cần thiết trong trường hợp đương sự không có bản sao Giấy khai sinh được cấp hợp lệ trước đây).

2. Thủ tục: Đăng ký kết hôn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người có yêu cầu đăng ký kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ và xuất trình các giấy tờ cá nhân theo quy định nếu cán bộ Tư pháp hộ tịch xã yêu cầu. Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ phải có mặt.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để người nộp bổ sung, hoàn chỉnh.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ, ghi phiếu hẹn trả hồ sơ và xem xét, thụ lý hồ sơ.

Bước 3: Đại diện UBND cấp xã yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn, thì cán bộ Tư pháp hộ tịch ghi vào sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn. Hai bên nam, nữ ký vào Giấy chứng nhận kết hôn và sổ đăng ký kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho mỗi bên vợ, chồng một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, giải thích cho hai bên về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp theo yêu cầu của vợ, chồng.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

- Hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

* Xuất trình các giấy tờ sau đây để kiểm tra:

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu của người đi đăng ký;

+ Sổ hộ khẩu hoặc Sổ đăng ký tạm trú của bên nam hoặc bên nữ nơi đăng ký kết hôn.

* Các giấy tờ phải nộp:

- Tờ khai đăng ký kết hôn (Bản chính theo mẫu tại Thông tư số 09b/2013/TT-BTP);

- Xác nhận tình trạng hôn nhân, áp dụng đối với các trường hợp sau:

+ Trong trường hợp một người cư trú tại xã, phường, thị trấn này, nhưng đăng ký kết hôn tại xã, phường, thị trấn khác, thì phải có xác nhận của UBND cấp xã, nơi cư trú về tình trạng hôn nhân của người đó.

+ Đối với người đang trong thời hạn công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước đăng ký kết hôn, thì phải có xác nhận của cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam tại nước sở tại về tình trạng hôn nhân của người đó.

+ Đối với cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang, thì thủ trưởng đơn vị của người đó xác nhận tình trạng hôn nhân.

Việc xác nhận tình trạng hôn nhân nói trên có thể xác nhận trực tiếp vào Tờ khai đăng ký kết hôn hoặc bằng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Việc xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng, kể từ ngày xác nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên được kéo dài thêm không quá 5 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**
 - a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã
 - b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã
 - c) Cơ quan phối hợp (nếu có):
- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận kết hôn
- **Phí, lệ phí:** Không
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký kết hôn
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

 - + *Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;*
 - + *Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;*
 - + *Không bị mất năng lực hành vi dân sự;*
 - + *Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.*
- **Căn cứ pháp lý của TTHC:**
 - + Bộ luật Dân sự ngày 14/6/2005;
 - + Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
 - + Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
 - + Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;
 - + Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
 - + Thông tư số 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
 - + Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP;
 - + Quyết định số 1099/2009/QĐ-UBND ngày 30/5/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Về việc quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ghi chú: "Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

1

2

Kính gửi:.....

Người khai	Bên nam	Bên nữ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế		
Nghề nghiệp		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị.....đăng ký.

....., ngày tháng năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
cơ quan có thẩm quyền

Bên nam
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bên nữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày xác nhận.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Chú thích:

(1), (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ

Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH (Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

7

3. Thủ tục: Đăng ký lại việc kết hôn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân muốn đăng ký lại việc kết hôn nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã và xuất trình các giấy tờ cá nhân theo quy định nếu cán bộ Tư pháp hộ tịch xã yêu cầu.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để người nộp bổ sung, hoàn chỉnh.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ Tư pháp tiến hành đăng ký lại việc kết hôn cho người đăng ký.

Bước 3: Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp cho người đi đăng ký một bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

- Hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký lại việc kết hôn (Bản chính theo mẫu tại Thông tư số 05/2012/TT-BTP)

- Xuất trình bản sao Giấy chứng nhận kết hôn đã được cấp hợp lệ trước đây (nếu có); trong trường hợp không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì đương sự phải tự cam đoan về việc đã đăng ký nhưng sổ hộ tịch không còn lưu được và chịu trách nhiệm về nội dung cam đoan; bản cam đoan phải có xác nhận của 02 người làm chứng biết rõ về việc đã đăng ký và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về chữ ký của hai người làm chứng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Ngay trong ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên được kéo dài thêm không quá 3 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã có liên quan

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận kết hôn

- Phí, lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc kết hôn

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Khi đăng ký lại việc kết hôn cả hai bên nam nữ phải có mặt.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Bộ luật Dân sự ngày 14/6/2005;

+ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

+ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Thông tư số 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

+ Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08a/2010/TT-BTP

+ Quyết định số 1099/2009/QĐ-UBND ngày 30/5/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Về việc quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC KẾT HÔN

Kính gửi ⁽¹⁾:

Chúng tôi là:

Họ và tên chồng: **Họ và tên vợ:**

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú ⁽²⁾: Nơi thường trú/tạm trú ⁽²⁾:

Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế ⁽³⁾: Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế ⁽³⁾:

Đã đăng ký kết hôn tại ⁽⁴⁾

..... ngày tháng năm

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: ⁽⁵⁾, Quyền số: ⁽⁵⁾

Đề nghị ⁽¹⁾ đăng ký lại việc kết hôn.

Lý do đăng ký lại:

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Chồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vợ
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽⁶⁾

.....

.....

.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại việc kết hôn.
- (2) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ "tạm trú"; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ "thường trú" và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.
- (3) Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ "Giấy tờ hợp lệ thay thế"; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ và gạch cụm từ "CMND".
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký kết hôn trước đây.
- (5) Chỉ khai khi biết rõ.
- (6) Người có yêu cầu đăng ký lại tự ghi nội dung cam đoan về việc đã đăng ký kết hôn nhưng không còn lưu được Sổ đăng ký kết hôn (chỉ cần thiết trong trường hợp đương sự không còn bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp hợp lệ trước đây).

4. Thủ tục: Đăng ký lại việc tử

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Cá nhân muốn đăng ký lại việc tử nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã và xuất trình các giấy tờ cá nhân theo quy định nếu cán bộ Tư pháp hộ tịch xã yêu cầu.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để người nộp bổ sung, hoàn chỉnh.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ Tư pháp tiến hành đăng ký lại việc tử cho người đi đăng ký.

Bước 3: Cán bộ Tư pháp hộ tịch xem xét, thụ lý hồ sơ và trình Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp cho người đi đăng ký một bản chính Giấy chứng tử.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

- *Hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký lại việc tử (theo mẫu tại Thông tư số 05/2012/TT-BTP);

- Xuất trình bản sao Giấy chứng tử đã cấp hợp lệ trước đây (nếu có); trong trường hợp không có bản sao Giấy chứng tử thì đương sự phải tự cam đoan về việc đã đăng ký nhưng sổ hộ tịch không còn lưu được và chịu trách nhiệm về nội dung cam đoan; bản cam đoan phải có xác nhận của 02 người làm chứng biết rõ về việc đã đăng ký và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về chữ ký của hai người làm chứng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã có liên quan

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy Chứng tử

- Phí, lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc tử

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực;

+ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Thông tư số 08a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

+ Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08a/2010/TT-BTP;

+ Quyết định số 1099/2009/QĐ-UBND ngày 30/5/2009 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Về việc quy định mức thu và chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí hộ tịch, lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ghi chú: “Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ và tên người khai:

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị ⁽¹⁾ **đăng ký lại việc tử cho người có tên dưới đây:**

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú cuối cùng: ⁽²⁾

Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết: ⁽⁴⁾

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/ Giấy tờ thay thế Giấy báo tử ⁽⁵⁾

do cấp ngày tháng năm

Đã đăng ký khai tử tại ⁽⁶⁾:

..... ngày tháng năm

Theo Giấy chứng tử số: ⁽⁷⁾ Quyền số: ⁽⁷⁾

Lý do đăng ký lại:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

⁽⁷⁾
.....
.....
.....

Người khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu TP/HT-2012-TKĐKLV1

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại việc tử.
- (2) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ “tạm trú”; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ “thường trú” và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.
- (3) Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ “Giấy tờ hợp lệ thay thế”; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ và gạch cụm từ “CMND”.
- (4) Phải ghi rõ địa điểm chết (bệnh viện, trạm y tế, nhà riêng...); xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.
- (5) Nếu ghi số Giấy báo tử thì gạch cụm từ “Giấy tờ thay thế giấy báo tử”, nếu ghi số “Giấy tờ thay thế giấy báo tử” thì gạch cụm từ “Giấy báo tử” và ghi rõ tên và số của giấy tờ thay thế.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký khai tử trước đây.
- (7) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.
- (8) Người có yêu cầu đăng ký lại tự ghi nội dung cam đoan về việc đã đăng ký khai tử nhưng không còn lưu được Sổ đăng ký khai tử (chỉ cần thiết trong trường hợp đương sự không có bản sao Giấy chứng tử được cấp hợp lệ trước đây).

5. Thủ tục: Đăng ký việc nuôi con nuôi

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và hồ sơ của người được nhận làm con nuôi tại UBND cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú hoặc UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú (đối với các trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận giữa người nhận con nuôi với cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em được nhận làm con nuôi).

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để người nộp bổ sung, hoàn chỉnh.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả hồ sơ.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã tiến hành xong việc lấy ý kiến của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó. Việc lấy ý kiến phải lập thành văn bản và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người được lấy ý kiến.

Bước 4: Khi xét thấy người nhận con nuôi và người được giới thiệu làm con nuôi có đủ điều kiện theo quy định thì UBND cấp xã cho phép đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các bên; tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người quy định tại Điều 21 của Luật Nuôi con nuôi.

(Khi tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi phải có mặt).

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã từ chối đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và nêu rõ lý do trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến của những người quy định tại Điều 21 của Luật Nuôi con nuôi.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

- Hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm: -

1. Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTP).

- Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: nếu người xin nhận con nuôi là vợ chồng, thì phải có bản sao giấy chứng nhận kết hôn; nếu người xin nhận con nuôi là người độc thân, thì phải có văn bản xác nhận về tình trạng độc thân do UBND cấp xã, nơi người đó thường trú cấp; nếu người đó đã ly hôn, thì phải có bản sao Bản án/Quyết định ly hôn có hiệu lực của Tòa án; nếu người đó có vợ/chồng chết, thì phải có bản sao Giấy chứng tử của người chết;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp và văn bản xác nhận về hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp, trừ trường hợp người xin nhận con nuôi thuộc diện được miễn các điều kiện này theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi.

Ghi chú: Phiếu lý lịch tư pháp, giấy khám sức khỏe, văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi trong nước chỉ có giá trị sử dụng nếu được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại UBND cấp xã.

2. Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi

- Bản sao Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng không chụp quá 06 tháng;

- Tỳ tưng trường hợp cụ thể mà phải có giấy tờ sau:

+ Biên bản do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã lập đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi;

+ Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em đã chết đối với trẻ em mồ côi;

+ Quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em bị mất tích đối với trường hợp trẻ em có cha, mẹ đẻ bị mất tích hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em bị mất năng lực hành vi dân sự đối với trường hợp trẻ em có cha đẻ, mẹ đẻ bị mất năng lực hành vi dân sự.

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã có liên quan

- **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận nuôi con nuôi

- **Phí, lệ phí:** Lệ phí: 400.000đ

Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau đây:

+ Cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi.

+ Cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi.

+ Nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo làm con nuôi.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn xin nhận con nuôi (theo mẫu tại Thông tư số 24/2014/TT-BTP);

+ Tờ khai hoàn cảnh gia đình nhận nuôi con nuôi (theo mẫu tại Thông tư số 12/2011/TT-BTP).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

1. Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

-b) Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;

c) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;

d) Có tư cách đạo đức tốt.

Trường hợp cha đẻ nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm b và điểm c nêu trên.

2. Những người sau đây không được nhận con nuôi:

a) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

b) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

c) Đang chấp hành hình phạt tù;

d) Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

+ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

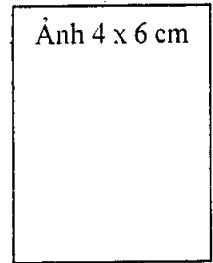
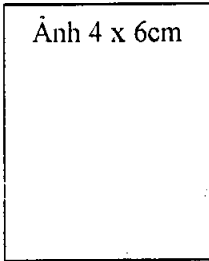
+ Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

+ *Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.*

Ghi chú: "Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI
(Dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước)

Kính gửi:¹

.....

Chúng tôi/tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Có nguyện vọng nhận trẻ em dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

¹ Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam, nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi.

Dân tộc: Quốc tịch:

Tình trạng sức khỏe:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi đang cư trú:

Gia đình:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại./fax/ email		
Quan hệ với trẻ em được nhận làm con nuôi		

Cơ sở nuôi dưỡng²:

Lý do nhận con nuôi:

Nếu được nhận trẻ em làm con nuôi, chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn ba năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi thông báo về tình trạng phát triển mọi mặt của con nuôi (có kèm theo ảnh) cho.....³
nơi chúng tôi/tôi thường trú.

Đề nghị⁴ xem xét, giải quyết.

....., ngày tháng năm.....

ÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÀ

(Ký, ghi rõ họ tên)

² Ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng.

³ Ghi tên UBND xã/phường/thị trấn hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

⁴ Như kính gửi.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

PHẦN TỰ KHAI CỦA NGƯỜI NHẬN CON NUÔI

1. Ông:

Họ và tên: Ngày sinh:
Nơi sinh:
Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp
Nghề nghiệp:
Nơi thường trú:
Tình trạng hôn nhân⁵:

2. Bà:

Họ và tên: Ngày sinh:
Nơi sinh:
Số Giấy CMND: Nơi cấp: Ngày cấp
Nghề nghiệp:
Nơi thường trú:
Tình trạng hôn nhân⁶:

3. Hoàn cảnh gia đình⁷:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

4. Hoàn cảnh kinh tế:

- Nhà ở:
.....
.....
- Mức thu nhập:
.....
.....
- Các tài sản khác:

⁵ Khai rõ đây là lần kết hôn thứ mấy của người nhận con nuôi, tình trạng con cái.
⁶ Khai như chủ thích l.
⁷ Khai rõ hiện nay người nhận con nuôi đang sống cùng với ai; thái độ của những người trong gia đình về việc nhận con nuôi.

.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
Ông **Bà**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Ý kiến của Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn về người nhận con nuôi:

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
Tổ trưởng dân phố/Trưởng thôn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác minh của công chức tư pháp - hộ tịch⁸:

.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người xác minh
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn

....., ngày..... tháng..... năm.....
TM. UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

⁸ Ý kiến của cán bộ xác minh về các nội dung mà người nhận con nuôi tự khai ở trên. Đánh giá người nhận con nuôi đủ hay không đủ điều kiện để nhận con nuôi.

6. Thủ tục: Đăng ký lại việc nuôi con nuôi

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây; xuất trình các giấy tờ cá nhân theo quy định nếu cán bộ Tư pháp hộ tịch xã yêu cầu.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể một lần, đầy đủ để người nộp bổ sung, hoàn chỉnh.

- Trường hợp đã đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và ghi phiếu hẹn trả hồ sơ. Cán bộ Tư pháp hộ tịch xem xét, thụ lý hồ sơ.

Bước 3: Chủ tịch UBND cấp xã ký và cấp cho người đi đăng ký một bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã

- Hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (theo mẫu tại Thông tư số 12/2011/TT-BTP);

Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại UBND cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi đó, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ

- Đối tượng thực hiện TTHC: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã

b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã

c) Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã có liên quan

- Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi

- Phí, lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

- Căn cứ pháp lý của TTHC:

+ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

+ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

+ Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

Ghi chú: "Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4x 6 cm
(chụp chưa
quá 6 tháng)

Ảnh 4x 6 cm
(chụp chưa
quá 6 tháng)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi:⁹

.....

Chúng tôi /tôi là:

	Ông	Bà
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Đã nhận người có tên dưới đây làm con nuôi:

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:Quốc tịch:

Nơi thường trú:

.....

Phân khai về bên giao con nuôi trước đây¹⁰:

	Ông	Bà
Họ và tên		

⁹ Trường hợp nuôi con nuôi trong nước, thì gửi UBND xã/ phường/thị trấn nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thì gửi Sở Tư pháp, nơi có thẩm quyền đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

¹⁰ Nếu có được các thông tin này.

Ngày, tháng, năm sinh		
Nơi sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Nơi cấp		
Ngày, tháng, năm cấp		
Địa chỉ liên hệ		
Điện thoại/fax/email		

Quan hệ với trẻ được nhận làm con nuôi¹¹:.....
 Tên cơ sở nuôi dưỡng:
 Chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng:.....

Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại:
 ngày..... tháng..... năm.....
 Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị..... đăng ký.
, ngày tháng..... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Người làm chứng thứ nhất⁴
 Tôi tên là.....sinh năm
 Số CMND....., cư trú tại.....
 Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.
, ngày..... tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Người làm chứng thứ hai
 Tôi tên là.....sinh năm
 Số CMND....., cư trú tại.....
 Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm về việc làm chứng của mình.
, ngày..... tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

³ Ghi rõ là cha, mẹ đẻ; người giám hộ hay cơ sở nuôi dưỡng. Nếu là cơ sở nuôi dưỡng thì ghi rõ tên cơ sở nuôi dưỡng.
 chức vụ của người đại diện cơ sở nuôi dưỡng.
⁴ Không cần có xác nhận của người làm chứng nếu đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại UBND cấp xã/STP nơi đã đăng ký việc NCV trước đây.